

Bản án số: 123/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 9 - 2025

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nam Long và bà Nguyễn Thị Hoè.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Tiên Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại hội trường xét xử Dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1989; CCCD số: 044089012765; địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Quảng Trị (xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình cũ). Anh P có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1993; CCCD số: 044193001884; địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Quảng Trị (xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình cũ). Hiện đã xuất cảnh sang Đài Loan, không có địa chỉ cụ thể. Chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai; tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Mỹ H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Q, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 18 tháng 6 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, đến năm 2020 chị H làm thủ tục đi xuất khẩu lao động sang

Đài Loan, đến năm 2024 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mỗi lần gọi điện hai vợ chồng thường cãi vã nhau, từ đó đến nay chị H không quan tâm gì đến anh P và gia đình, hai bên gia đình nội ngoại đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hai bên không thể hàn gắn, xây dựng gia đình được nữa. Do đó, anh Nguyễn Văn P yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị) giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ H.

Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Mỹ H có 02 con chung tên là Nguyễn Nhật Khánh L, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2012 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2014, hiện tại 02 con chung đang sống cùng với anh Nguyễn Văn P. Sau khi ly hôn, anh P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đối với cháu Nguyễn Nhật Khánh L.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn P trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã thực hiện việc gửi, tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án thông qua người thân và niêm yết công khai văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H đồng thời gửi công văn cho Ban Đối ngoại (VOV5) đề nghị thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài đối với chị H.

Ban Đối ngoại (VOV5) đã thông báo trên hệ phát thanh kênh thông tin dành cho người nước ngoài các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Mỹ H trong 03 lần vào các ngày 21, 22 và 23 tháng 7 năm 2025.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Nhật Khánh Linh và cháu Nguyễn Bảo Nam đề ngày 19 tháng 5 năm 2025 đều trình bày: Cháu L và cháu N được biết bố Nguyễn Văn P đã gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với mẹ Nguyễn Thị Mỹ H, hiện tại mẹ của hai cháu đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên hai cháu L và N đang sinh sống cùng với bố. Nếu bố mẹ hai cháu ly hôn, không chung sống với nhau nữa thì hai cháu Nguyễn Nhật Khánh L và cháu Nguyễn Bảo N có nguyện vọng được ở với bố vì khi ở với bố thì hai cháu có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hơn.

Tại biên bản xác minh ngày 12/6/2025, ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1958 là bố đẻ chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Chị Nguyễn Thị Mỹ H hiện nay không có mặt tại địa phương, chị đã đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, khi nào về thì ông không rõ. Việc anh P làm đơn xin ly hôn với chị H, anh P có trao đổi với ông, nhưng ông nói “Ly hôn là quyền của hai đứa”. Anh P và chị H có hai con chung, hiện nay hai cháu ngoại đang sống cùng bố Nguyễn Văn P, thỉnh thoảng hai cháu có lên nhà ông bà ngoại chơi. Việc anh P xin được nuôi hai con chung ông không có ý kiến gì. Về tài

sản chung của anh P, chị H thì khi nào chị H về nước, có yêu cầu thì Tòa án giải quyết còn ông không liên quan. Ông không liên lạc gì với chị H và hiện nay chị đi nước nào ông cũng không rõ. Ông trình bày thêm nếu chị H có liên lạc thì ông sẽ thông báo với chị H việc anh P làm đơn ly hôn với chị.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn mặc dù đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt và không có ý kiến phản hồi cho Tòa án. Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn P được ly hôn chị Nguyễn Thị Mỹ H; về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên là Nguyễn Nhật Khánh L, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2012 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2014 cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chấp nhận đề nghị của anh P về việc yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng; về chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra; kết quả tranh luận và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Văn P có đơn yêu cầu xin ly hôn chị Nguyễn Thị Mỹ H hiện đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan. Theo Công văn số: 1384/CV-PA08, ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Quảng Bình (nay là Công an tỉnh Quảng Trị) thì chị Nguyễn Thị Mỹ H đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh rời Việt Nam ngày 18/12/2024 qua Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Qua xác minh tại thân nhân bị đơn ông Nguyễn Văn D (là bố đẻ của chị H) thì tại thời điểm thụ lý đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị Mỹ H đang ở nước ngoài. Do đó, căn cứ Điều 37, 39 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị).

[1.2] Do không xác định được địa chỉ cụ thể của bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H ở nước ngoài. Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối

cùng của chị H trước khi xuất cảnh; Quá trình làm việc với Tòa án, bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Văn D có lời khai thể hiện ông không có thông tin liên lạc của chị H, anh P đã thông báo với ông D việc xin ly hôn với chị H tại Tòa án nhưng quan điểm của ông D là: “Ly hôn là quyền của hai đứa”, ông Doãn cũng cho biết chị H hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, đi nước nào thì ông D không rõ. Như vậy, có căn cứ khẳng định chị Nguyễn Thị Mỹ H đã cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, không thực hiện yêu cầu của Tòa án. Toà án tiến hành đăng thông tin thông báo cho chị Nguyễn Thị Mỹ H trên Hệ thống phát thanh đối ngoại VOV5 đài tiếng nói Việt Nam vào các ngày 21, 22 và 23 tháng 7 năm 2025 nhằm thông báo cho bị đơn biết việc nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nhưng không có kết quả phản hồi của chị H.

[1.3] Toà án đã tiến hành các thủ tục cần thiết, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ đến tham gia tại phiên toà đối với các đương sự nhưng chị Nguyễn Thị Mỹ H đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ H. Xét thấy, anh P và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Q, tỉnh Quảng Trị) nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2020, chị Nguyễn Thị Mỹ H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ năm 2024 đến nay, vợ chồng anh P, chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị H hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên không quan tâm đến anh P và con cái, cũng không quan tâm đến cuộc sống gia đình, hai bên nội ngoại đã nhiều lần khuyên bảo để anh P, chị H đoàn tụ nhưng không thành. Anh P trình bày thêm, trong thời gian anh nộp đơn tại Toà án khi chị H điện thoại về anh cũng đã trao đổi việc anh nộp đơn ly hôn và chị H cũng đã đồng ý và đề nghị anh P tự giải quyết vì chị hiện nay ở xa không có điều kiện để trở về. Mâu thuẫn giữa anh P và chị H đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn P đối với chị Nguyễn Thị Mỹ H.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Nhật Khánh L, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2012 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2014; tại Đơn trình bày nguyện vọng đề ngày 19/5/2025 hai cháu Nguyễn Nhật Khánh L và Nguyễn Bảo N đều có nguyện vọng được sống với bố. Xét ý kiến, yêu cầu của anh Nguyễn Văn P và hai cháu Nguyễn Nhật Khánh L, Nguyễn Bảo N thì hiện tại, anh P đang chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung do chị H (mẹ đẻ của hai cháu) hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Để đảm bảo sự phát triển cả về thể chất và tinh thần cho các cháu; cũng như việc học tập, sự gắn kết của tình cảm anh em; anh P hiện nay đang chăm sóc, nuôi dưỡng hai con rất tốt. Mặt khác các cháu

đang trong độ tuổi dậy thì, phát triển tâm sinh lý nên cần có bố để được chăm sóc đảm bảo cho sự phát triển bình thường cho các cháu. Tại phiên toà, anh P trình bày hiện nay anh đã có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, ngoài ra ông bà ngoại cũng hỗ trợ cùng anh để chăm sóc, nuôi dưỡng các con, đảm bảo sự phát triển bình thường cho các cháu. Anh đề nghị chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Nhật Khánh L cùng với anh mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nên căn cứ Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh P, giao các cháu Khánh L, Bảo N cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Khánh L, Bảo N xin được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Chị Nguyễn Thị Mỹ H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh P số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Nhật Khánh L tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí, chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam: Anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam theo quy định của khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu nộp theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Mỹ H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn P được ly hôn chị Nguyễn Thị Mỹ H.

2. Về quan hệ nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Nhật Khánh L, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2012 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2014 cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Khánh L, cháu Bảo N xin được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh P số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Khánh L tròn 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí, chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BLTU/23/0005382 ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị). Anh P phải chịu chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam số tiền 2.250.000 đồng. Anh P đã nộp đủ tiền án phí và chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định. Chị Nguyễn Thị Mỹ H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Tuyết Minh

